TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU** Bản án số: 30 /2023/DS-ST Ngày 21-8-2023 V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hậu
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ *tham gia phiên toà:* Ông Lê Nguyễn Trường Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2023/TLST-DS ngày 04/4/2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXX-DS ngày 12/7/2023, Quyết định hoãn phiên toà số 28/2023/QĐST-DS ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Văn H, sinh năm: 1991 (có mặt)
  Nơi cư trú: Tổ 3, ấp T, xã C, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
- *Bị đơn:* Ông Trịnh Phi L, sinh năm: 1996. (vắng mặt)
  Nơi cư trú: Tổ 12, ấp T, xã C, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Bà Vũ Thị Phương D, sinh năm: 1996. (vắng mặt)
  Nơi cư trú: Tổ 3, ấp T, xã C, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đoàn Văn H trình bày:

Ông và ông Trịnh Phi L có mối quan hệ hàng xóm, cùng hợp tác mua bán đất chung nhiều lần. Năm 2022, ông L thiếu tiền làm ăn nên có hỏi mượn ông, ông đồng ý. Ông đã cho ông L vay nhiều lần bằng hình thức giao tiền mặt và chuyển khoản ebanking. Cụ thể theo sao kê của ngân hàng thể hiện các lần cho vay chuyển khoản ebanking như sau:

Ngày 05/01/2022, ông cho ông L vay 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng). Thoả thuận vay 20 ngày để đầu tư đất, ngày trả là 25/01/2022. Hai bên không lập giấy vay tiền. Đến hẹn do trục trặc công chứng giấy tờ mua bán đất

nên ông L kéo dài thời hạn vay.

Ngày 12/4/2022, ông cho ông L vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Thoả thuận vay 03 ngày để đáo hạn ngân hàng. Hai bên không lập giấy vay tiền. Đến hẹn ông L cũng không trả được do chưa bán được đất.

Ngày 05/5/2022, ông cho ông L vay 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Thoả thuận ngày trả là ngày 21/5/2022, vay để đáo hạn ngân hàng. Hai bên không lập giấy vay tiền. Đến hẹn do trục trặc giấy tờ, khách hàng chưa đáo hạn được nên ông L kéo dài thời hạn vay.

Các lần cho vay tiền mặt, do các bên không lập giấy tờ nên nay ông không nhớ chính xác.

Về tiền lãi: Do thời gian vay ngắn, nên hai bên thoả thuận khi hết thời hạn vay ông L sẽ gửi trả cho ông tiền gốc và thêm vài triệu tiền lãi, mà không thoả thuận mức lãi suất.

Việc ông cho ông L vay tiền nhiều lần với số tiền lớn, không thế chấp tài sản nguyên nhân do ông và ông L là hàng xóm, làm ăn chung với nhau nhiều lần. Ông tin tưởng tài chính và điều kiện kinh tế của gia đình ông L nên ông cho ông L vay nhiều lần, mặc dù khoản vay trước ông L vẫn chưa trả được.

Quá trình vay ngày 14/5/2022, ông L trả cho ông được 16.000.000 đồng tiền lãi cho các khoản vay trước đó. Ngày 11/6/2022, ông L trả thêm được 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) tiền lãi cho các khoản vay trước đó. Các lần trả lãi này ông L chuyển khoản ebanking cho ông. Ông L không trả được khoản tiền gốc nào.

Đến ngày 07/11/2022, ông và ông L thống nhất tính tổng lại các khoản nợ gốc ông L đã vay của ông thành 1 giấy nợ là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Và thoả thuận lại thời hạn vay là 6 tháng. Về tiền lãi, ông L phải trả ông khoản tiền lãi tương đương số tiền lãi mà hàng tháng ông phải trả cho ngân hàng. Tuy nhiên sau đó, ông L không thực hiện đúng thoả thuận, không trả lãi. Ông đã cố liên hệ đôn đốc ông L trả nợ, nhưng ông L trì hoãn, lẫn tránh. Do đó, ông phải khởi kiện ra toà, yêu cầu toà án giải quyết:

Buộc ông L trả cho ông số tiền gốc là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi theo mức lãi suất 1.5%/tháng từ ngày 07/11/2022 đến này là 78.000.000đ (Bảy mươi tám triệu đồng). Tổng cộng tiền gốc và lãi là 728.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi tám triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trịnh Phi L không đến toà án làm việc, không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Phương D trình bày:

Bà là vợ của ông Đoàn Văn H. Nguồn gốc số tiền ông H cho ông L vay là tiền của vợ chồng và huy động thêm của của người thân. Bà yêu cầu toà án giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc ông L phải trả số tiền đã vay và tiền lãi theo quy định của pháp luật cho vợ chồng bà.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả lại tiền gốc đã vay 650.000.000đ và tiền lãi từ ngày 07/11/2022 đến ngày xét xử 21/8/2023 theo mức lãi suất 10%/năm, làm tròn là 52.000.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 702.000.000 đồng (Bảy trăm lẻ hai triệu đồng) .

- Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Có đủ cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Đoàn Văn H khởi kiện ông Trịnh Phi L, có hộ khẩu thường trú tại tổ 12, ấp T, xã C, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về tranh chấp hợp đồng vay tài sản là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện thanh toán tiền gốc của hợp đồng vay tiền ngày 07/11/2022, hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Đoàn Văn H và ông Trịnh Phi L có mối quan hệ hàng xóm, cùng hợp tác mua bán đất chung nhiều lần. Từ năm 2022, ông H đã cho ông L vay tiền nhiều lần bằng tiền mặt và chuyển khoản ebanking. Ông L vay tiền để đầu tư đất, đáo hạn ngân hàng. Trong đó, số tiền vay bằng hình thức chuyển khoản ebanking là 465.000.000 đồng (Thể hiện tại bản sao kê tài khoản của ông H tại ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, chi nhánh Vũng Tàu). Đối với các lần vay tiền mặt, các bên không thành văn bản, ông H không nhớ rõ số tiền và thời gian cụ thể vay các lần. Thời hạn vay của từng khoản từ vài ngày đến vài tháng. Về tiền lãi: theo ông H, các bên chỉ thoả thuận sau khi trả gốc ông L sẽ trả thêm vài triệu tiền lãi

mà không nêu cụ thể là bao nhiêu. Do là hàng xóm, hợp tác mua bán đất chung nên ông H tin tưởng vào tài chính và điều kiện kinh tế của gia đình ông L nên cho vay không thế chấp, mặc dù khoản vay trước chưa thanh toán nhưng vẫn tiếp tục cho vay thêm khoản khác. Quá trình vay, ông L thanh toán được 23.000.000 đồng tiền lãi gồm: Ngày 14/5/2022, trả 16.000.000 đồng, ngày 11/6/2022, trả 7.000.000 đồng. Hai lần đều chuyển khoản ebanking. Ông L không trả được khoản tiền gốc nào.

Đến ngày 07/11/2022, các bên thống nhất chốt các khoản nợ gốc ông L đã vay của ông H thành 1 giấy nợ là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Thoả thuận lại: Thời hạn vay là 06 tháng, tiền lãi bằng số tiền lãi mà hàng tháng ông H phải trả cho ngân hàng. Quá trình vay, do ông L không trả tiền lãi hàng tháng theo theo thỏa thuận nên ông Hòa khởi kiện yêu cầu ông L trả tiền đã vay là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Xét, hợp đồng vay tiền ngày 07/11/2022, được các bên tự nguyện ký kết, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức của hợp đồng đảm bảo theo qui định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên có hiệu lực.

Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ và thông báo hòa giải cho ông Trịnh Phi L. Nhưng ông L không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không xuất trình tài liệu chứng cứ bảo vệ quyền lợi ích cho mình và cũng không tham gia phiên hòa giải, phiên làm việc tại tòa.

Do đó, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định ông L còn nợ ông H số tiền gốc đã vay theo hợp đồng ngày 07/11/2022 là 650.000.000 đồng. Mặc dù thời hạn vay của hợp đồng là 06 tháng, tức ngày đến hạn thanh toán là ngày 07/5/2023, tuy nhiên do quá trình vay ông L không trả bất cứ kỳ tiền lãi nào là vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận hợp đồng vay tiền nên ông H khởi kiện ông L trả tiền vay trước hạn là có căn cứ. Đồng thời đến ngày xét xử (ngày 21/8/2023), cũng đã quá thời hạn thanh toán nhưng ông L vẫn không trả tiền gốc và lãi cho ông H. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, ông L có trách nhiệm trả số tiền gốc đã vay cho ông H là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

[2.2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi:

Tại mục 3 của Hợp đồng vay tiền ngày 07/11/2022, thể hiện lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Như vậy, việc vay tiền giữa ông L và ông H là có lãi suất, nhưng lãi suất không cụ thể. Ông H cho rằng lãi suất hai bên thỏa thuận bằng số tiền lãi mà hàng tháng ông phải trả cho ngân hàng. Tuy nhiên, không có tài liệu chứng cứ để xác định mức lãi suất hai bên thỏa thuận như lời trình bày của ông H. Do đó, căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trong trường hợp có thỏa thuận việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tức mức lãi suất trong hạn được áp dụng tính cho ông H là 10%/năm.

Ông L không có ý kiến về việc ông H khởi kiện yêu cầu ông thanh toán tiền lãi từ ngày vay đến ngày trả xong khoản nợ và cũng không xuất trình tài liệu chứng cứ thể hiện ông đã thanh toán tiền lãi từ ngày vay. Do đó, có cơ sở xác định từ ngày vay ngày 07/11/2022, ông L chưa thanh toán tiền lãi cho ông H. Căn cứ Khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự, ông L có trách nhiệm trả cho ông H tiền lãi gồm:

- Tiền lãi trong hạn (từ ngày 07/11/2022 đến ngày 07/5/2023): 10%/năm.

- Tiền lãi quá hạn (từ ngày 08/5/2023 đến ngày 21/8/2023): 15%/năm.

Do nguyên đơn ông Hoà chỉ yêu cầu ông L trả tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 07/11/2022 đến ngày 21/8/2023, thành tiền làm tròn là 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng), là có lợi cho bị đơn. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi ông L phải thanh toán cho ông H là: 650.000.000 đồng + 52.000.000 đồng = 702.000.000 đồng (Bảy trăm lẻ hai triệu đồng).

[3] Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí có giá ngạch đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận 702.000.000 đồng là: 35.100.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Các Điều 117, Điều 463, Khoản 1, điểm a, b Khoản 5 Điều 466, Khoản 2 Điều 468, Khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn H về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Trịnh Phi L.

Buộc ông Trịnh Phi L phải thanh toán cho ông Đoàn Văn H số tiền gốc đã vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 07/11/2022 là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 07/11/2022 đến ngày 21/8/2023 là 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng)

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi ông Trịnh Phi L phải thanh toán cho ông Đoàn Văn H là: 702.000.000 đồng (Bảy trăm lẻ hai triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người thi hành án không trả đủ số tiền nên trên thì hàng tháng người thi hành án còn phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất chậm trả quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. *Về án phí*:

Ông Trịnh Phi L phải nộp 35.100.000 đồng (Ba mươi lăm triệu, một trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Đoàn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.585.000 đồng (Mười lăm triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007012 ngày 30/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

3. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc tống đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tx. Phú Mỹ;
- Chi cục THADS tx. Phú Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thảo Nguyên